

Bản án số: 08 /2020 DSPT  
Ngày : 11/5/2020  
v/v Tranh chấp HĐ Dân sự

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Can

*Các Thẩm phán:* Ông : Ông Bùi Văn Dum,  
Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*-Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân** Bà Hà Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở TAND tỉnh Hòa bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng dân sự.

Do bản án dân sự sơ thẩm số13/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa bình, tỉnh Hòa Bình bị ông Trần Quang D kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:01/QĐPT ngày 03 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Kiến T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 4, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;

**Bị đơn:** Ông Trần Quang D, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 28, xóm 13 xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

**Những người tham gia tố tụng khác:**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số nhà 353, tổ 8, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

- Ông Chu Thanh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 8, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

- Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn Yên Xã, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội;

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967; chị Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1992; anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1990

Đều có địa chỉ cư trú tại: Thôn 4, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; anh Trần Huy H, sinh năm 1983

Đều có địa chỉ cư trú tại: Số nhà 28, xóm 13, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Kiến T và bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ông Nguyễn Kiến T là giám đốc công ty TNHH xây dựng QT có trụ sở tại thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Khoảng thời gian từ năm 2006 đến năm 2008 ông có mua vật liệu xây dựng của ông Trần Quang D giám đốc Công ty TNHH DT có địa chỉ tại phố Thống Nhất, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Khi mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng về quy cách vật liệu, giá cả...không lập thành văn bản, ông D có trách nhiệm giao vật liệu tại chân công trình xây dựng, thời hạn thanh toán là hết tháng, hai bên đối chiếu công nợ và thanh toán tiền, trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán sẽ phải chịu lãi xuất chậm trả.

Đến tháng 5/2019 Công ty QT đã trả công ty DT 100.000.000 đồng, đến tháng 12/2009 ông T chuyển trả ông D thông qua phòng giáo dục huyện Lạc Sơn là chủ đầu tư công trình xây dựng trường học xã Thượng Cốc, số tiền 300.000.000 đồng bằng tiền thanh toán công trình của công ty QT, tổng là 400.000.000 đồng.

Ngày 18/8/2010, khi ông T cùng lái xe là Nguyễn Văn D đang điều khiển xe ô tô BKS 28H – 3519 trên đường tại thành phố Hòa Bình thì bị anh Trần Huy H con trai ông D chặn xe. Mục đích của anh H ép ông T trả nợ tiền cho ông D vì anh Hùng cho rằng ông Tuấn còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng của Công ty DT chưa trả. Vì bị đe dọa sợ mất danh dự nên ông T yêu cầu về nhà ông D ở Lạc Sơn để đối chiếu công nợ. Trên đường về Lạc Sơn có anh H, ông D, bà T ngồi trên xe của ông T cùng lái xe về nhà ông D. Khoảng 3 giờ chiều ngày 18/8/2010, tại nhà ông D bà T mang sổ ra tính toán và xác định ông Nguyễn Kiến T còn nợ ông D số tiền là 780.000.000 đồng và yêu cầu ông T viết giấy vay nợ và ký nhận nợ số tiền trên, đồng thời bà T đưa cho ông T một bản phô tô. Vì ông T chưa có tiền trả ông D đánh máy một giấy mua bán xe ô tô với nội dung: “Ông Kiến T đồng ý bán cho ông D chiếc xe ô tô BKS 28H – 3519 hiệu Mercedes với giá 780.000.000 đồng” và buộc ông ký vào giấy mua bán xe.

Ông Kiến T xác định việc ông phải ký vào giấy tờ mua bán xe của ông D là hoàn toàn bị ép buộc mà bản chất là việc bắt nợ. Số tiền 780.000.000 đồng chỉ là tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng mà ông đã trả từ năm 2009. Sau đó do cần xe đi lại ông có làm giấy mượn lại chiếc xe trên của anh D đi đến 30/9/2010. Đến ngày 25/10/2010 ông D lấy lại chiếc xe trên.

Sau khi sự việc xảy ra, ông T gửi đơn đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đề nghị xử lý hành vi cưỡng đoạt tài sản của ông D đối với chiếc xe ô tô trên. Sau đó Cơ quan điều tra đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự và hướng dẫn ông Nguyễn Kiến T làm thủ tục khởi kiện ra Tòa án.

Nay ông Nguyễn Kiến T đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô BKS 28H – 3519 nhãn hiệu Mercedes ngày 18/8/2010 giữa ông Nguyễn Kiến T và ông Trần Quang D là vô hiệu với lý do:

Chiếc xe ô tô BKS 28H 3519 là tài sản chung của gia đình ông nên ông không có quyền định đoạt.

Việc ký vào giấy mua bán xe ngày 18/8/2010 là do ông D ép ông bán xe để trừ số tiền 780.000.000 đồng mà ông D tính lãi cao của khoản tiền mà ông là đại diện của Công ty QT mua vật liệu để xây dựng công trình trường học Thượng Cốc.

Ông Nguyễn Kiến T đề nghị Tòa án buộc ông D phải trả ông số tiền 550.000.000 đồng trị giá chiếc xe tại thời điểm giao dịch, ông D phải bồi thường thiệt hại và trả lãi theo ngân hàng cho ông từ ngày 18/8/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Việc ông D phản tố yêu cầu đối trừ số tiền 780.000.000 đồng vào giá trị chiếc xe là không đúng. Việc nợ tiền vật liệu là quan hệ giữa Công ty QT với công ty DT không liên quan gì đến gia đình ông. Vì vậy không thể đối trừ khoản nợ của công ty QT vào số tiền trị giá chiếc xe ô tô của gia đình ông.

Tại đơn phản tố ngày 21/8/2014 cùng các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa ông Trần Quang D trình bày:

Ông Trần Quang D là giám đốc công ty TNHH DT, ngoài ra gia đình ông còn có cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng. Từ đầu năm 2008 ông T đã đặt vấn đề mua vật liệu xây dựng của gia đình ông để xây dựng các công trình. Việc giao dịch mua bán vật liệu giữa ông với ông T là tự nguyện, thỏa thuận có tính chất tư nhân, không phải giao dịch kinh tế, không có hợp đồng, sau những lần ông T lấy hàng của gia đình ông hai bên đều cùng nhau đối chiếu công nợ. Ngày 8/10/2008 ông T đã viết giấy nhận nợ ông với số tiền 600.000.000 đồng, sau đó ông T lại lấy tiếp vật liệu xây dựng và chốt lại ông T còn nợ gia đình ông 780.000.000 đồng, gia đình ông D đã đòi nhiều lần nhưng ông T trây ỳ không trả. Do vậy ngày 18/8/2010 ông D và ông T thỏa thuận ông T tự nguyện gán cho ông D chiếc xe ô tô BKS 28H – 3519 mang tên ông Chu Thanh T để đối trừ khoản ông T nợ lấy vật liệu xây. Ông T cho rằng số tiền 780.000.000 đồng là tiền lãi là không đúng. Ông D khẳng định ông T đã lấy vật liệu xây dựng của gia đình ông nhiều lần, nhiều chủng loại để xây dựng tại nhiều nơi trên địa bàn Lạc thủy, Kim bôi, Lạc sơn. Ông công nhận năm 2009 ông T đã trả ông được 400.000.000 đồng ( trong đó ông T đưa tiền mặt 100.000.000 đồng và có chuyển 300.000.000 đồng qua phòng giáo dục huyện Lạc Sơn là chủ đầu tư công trình). Tính đến ngày 18/8/2010 chốt nợ phần còn lại ông T còn nợ ông D số tiền 780.000.000 đồng, ông T đã viết giấy nhận nợ, ký vào bản đối chiếu công nợ, do vậy ông phải có trách nhiệm hoàn trả.

Theo ông D, số tiền 780.000.000 đồng ông T nợ, ông đã đồng ý đối trừ vào chiếc xe, khi đó trị giá xe là 500.000.000 đồng nhưng ông không đòi thêm ông T phần chênh lệch là rất thiện chí. Nhưng nếu ông T không công nhận hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô thì ông phản tố đề nghị Tòa án xử nêu tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông và ông T là vô hiệu thì ông Nguyễn Kiến T phải trả ông số tiền 780.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại bản khai ngày 12/7/2019 ông Chu Thanh T trình bày: Ngày 01/6/2010 ông có bán cho ông Nguyễn Kiến T chiếc xe ô tô BKS 28H – 3519 nhãn hiệu Mercedes benz loại 04 chỗ mang tên ông là Chu Thanh T, trị giá 600.000.000 đồng. Thủ tục mua bán xe hai bên lập giấy mua bán có xác nhận tại UBND phường Tân Hòa. Ông Nguyễn Kiến T thanh toán bằng tiền mặt cho ông, ông đã giao xe cho ông T, ông T toàn quyền định đoạt chiếc xe, ông không có ý kiến gì và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa án.

Tại bản khai ngày 15/7/2019 ông Nguyễn Văn H trình bày: Ngày 23/01/2011 ông H có mua của ông Trần Quang D chiếc xe ô tô BKS 28H – 3519 nhãn hiệu Mercedes benz loại 4 chỗ với giá 500.000.000 đồng. Hai bên có xác lập giấy mua bán xe có xác nhận của UBND thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh

Hòa Bình. Quá trình sử dụng ông đã bán cho một người khác qua gara vì thời gian quá lâu ông không nhớ tên và địa chỉ người mua, bản thân ông không yêu cầu đòi hỏi gì liên quan đến chiếc xe trên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai ngày 04/01/2019 bà Dương Thị T và anh Trần Huy H đều trình bày, từ năm 2006 ông Nguyễn Kiến T có mua vật liệu xây dựng của gia đình, khi mua trả nợ làm nhiều lần, nhưng còn nợ lại 780 triệu gia đình đòi nhiều lần ông T trây ỳ không trả, ngày 18/8/2010 thấy ông Nguyễn Kiến T tại thành phố Hòa Bình, hai bên thống nhất về Lạc Sơn để đối chiếu công nợ. Tại nhà ông D, ông T đã ký vào giấy nhận nợ là 780.000.000 đồng, vì biết ông T không có khả năng trả nợ nên ông D đồng ý lấy chiếc xe ô tô của ông T để trừ khoản nợ số tiền 780.000.000 đồng. Vì chỗ làm ăn với nhau nên ông D đồng ý cho ông T mượn xe để đi về, giấy mượn xe, giấy chốt nợ và giấy mua bán xe là do ông T tự nguyện viết và tự xác nhận chứ không ai ép buộc, việc mua bán diễn ra yên bình và tình cảm, việc nợ nần gán xe để trả nợ là hết sức bình thường, có vay có trả, nay ông Kiến T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng là vô lý nên bà T và anh H đều không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2019 bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Tuyết M đều trình bày: năm 2010 gia đình có mua một chiếc ô tô BKS 28H – 3519 của ông Chu Thanh T, trước khi mua gia đình có bàn bạc thống nhất cùng thống nhất mua xe để làm phương tiện đi lại và làm ăn của gia đình.

Khi ông D bắt xe của ông T tại Hòa Bình gia đình không ai biết và không đồng ý. Còn việc công ty QT nợ tiền ông D là việc của công ty không liên quan đến gia đình. Vì vậy ông D không thể bắt xe là tài sản chung của gia đình ông T để trừ số tiền nợ của công ty. Để bảo vệ quyền lợi cho gia đình, bà C, anh T và chị M đề nghị Tòa án xử hủy hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông Nguyễn Kiến T và ông Trần Quang D. Nay chiếc xe không còn nên ông D phải trả cho gia đình bà 550.000.000 đồng trị giá chiếc xe tại thời điểm giao dịch, bồi thường thiệt hại và lãi xuất theo ngân hàng.

Tại bản án số: 13/2019/DS-ST ngày 04/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình tuyên xử: Áp dụng điều 121, 122, 123, 124, 127, 134, 136, 137, 163, 214, 217, 219, 223 BLDS năm 2005 tuyên xử: “Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kiến T, tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô BKS 28H – 3519 nhãn hiệu Mercedes lập ngày 18/8/2010 giữa ông Nguyễn Kiến T và ông Trần Quang D vô hiệu.

Buộc ông Trần Quang D phải trả ông Nguyễn Kiến T số tiền là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng). Bác yêu cầu phản tố của ông Trần Quang D về việc đòi số tiền mua vật liệu đối với ông Nguyễn Kiến T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí

Ngày 11/10/2019 ông Trần Quang D kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của ông D trong thời hạn luật định cần được chấp nhận.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát phân tích toàn bộ nội dung vụ án và nhận định:

Việc cấp sơ thẩm xác định chiếc xe ô tô mà ông Trần Quang D và ông Nguyễn Kiến T mua bán là tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của gia đình ông T là có căn cứ, ông T tự ý bán xe chưa có ý kiến của vợ con ông là vi phạm điều 27, 28 luật HNGĐ. Tuy vậy, trong việc mua bán này cấp sơ thẩm xác định ông D có lỗi 100% và buộc ông phải hoàn trả ông T chiếc xe ô tô là không đúng, mà cần phải xác định lỗi của ông T khi bán xe.

Về số tiền mua vật liệu xây dựng ông Nguyễn Kiến T nợ ông Trần Quang D 780.000.000, mặc dù ông T không nhận nhưng ông đã viết giấy nhận nợ, ký trong bản đối chiếu nợ, do đó ông phải chịu trách nhiệm. Nội dung này liên quan trực tiếp đến việc hai ông mua bán chiếc xe ô tô, đồng thời nội dung này ông D đã có đơn phản tố, đã nộp án phí nhưng cấp sơ thẩm lại không giải quyết mà đề nghị tách ra là không đúng quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Cấp sơ thẩm cần phải giải quyết cả hai nội dung trên trong cùng vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/8/2017 hội đồng xét xử có hội thẩm là bà Ngô Thị Như Hoa, sau đó bản án đã bị hủy, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 4/10/2019 bà Ngô Thị Như Hoa lại tiếp tục tham gia hội đồng xét xử lại vụ án là vi phạm khoản 3 điều 53 BL TTDS.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình để điều tra xét xử lại.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không có khiếu nại về Quyết định, hành vi của cơ quan và người tiến hành tố tụng.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Kiến T và ông Trần Quang D đều là giám đốc công ty tư nhân. Từ năm 2006 đến năm 2008 ông Nguyễn Kiến T là giám đốc công ty QT có mua của ông Trần Quang D các loại vật liệu xây dựng, ngày 18/8/2010 tại nhà ông D hai bên đã tính toán chốt sổ ông T xác nhận còn nợ ông D 780.000.000 đồng. Do ông T không có tiền trả, ông D đã yêu cầu ông T khấu trừ trả ông bằng một xe ô tô, ông T đã đồng ý và ký vào giấy bán xe ô tô BKS 28H – 3519 hiệu mercedes để khấu trừ vào số tiền còn nợ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Kiến T khởi kiện đề nghị tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông với ông Trần Quang D lập ngày 18/8/2010 vô hiệu do bị ép buộc và đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn ông Trần Quang D có yêu cầu phản tố về việc bù trừ số tiền nợ vào tiền mua xe.

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng và việc phản tố bù trừ nghĩa vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điều 35 BLTTDS năm 2015. Tòa án nhân dân Thành phố Hòa bình giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 4/10/2019 Tòa án nhân dân TP Hòa bình xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2019 ông Trần Quang D kháng cáo. Kháng cáo của ông Trần Quang D trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

[1.3] Về quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm: Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 14/8/2017 hội đồng xét xử có hội thẩm là bà Ngô Thị Như Hoa, sau đó bản án đã bị hủy, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 4/10/2019 bà Ngô Thị Như Hoa lại tiếp tục tham gia hội đồng xét xử lại vụ án là vi phạm khoản 3 điều 53 BL TTDS.

[ 2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị tuyên bố giao dịch mua bán xe ô tô BKS 28H-3159 lập ngày 18/8/2010 giữa ông với ông Trần Quang D vô hiệu, đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho ông. Ông Nguyễn Kiến T khẳng định tất cả các tài liệu thể hiện việc mua bán xe ô tô giữa ông với ông D là các tài liệu thực, ông T cho rằng ông bị ép buộc phải bán xe nhưng ông không đưa ra được căn cứ cơ sở khẳng định mình bị ép buộc, những nhân chứng có mặt tại nhà ông D chiều 18/8/2010 ( anh H, anh D... ) đều khai nhận hai bên không có việc chửi bới, đánh đập. Sau khi giao xe và giấy tờ, ông T còn viết giấy mượn lại chiếc xe ô tô đã bán, sau đó mọi người còn ngồi uống rượu với nhau. Cơ quan điều tra Công an huyện Lạc sơn đã có Công văn và Thông báo kết quả giải quyết đơn của ông T và kết luận việc mua bán xe giữa hai ông là giao dịch dân sự hợp pháp, không có dấu hiệu tội phạm hình sự. Chiếc xe trên ông D đã bán lại cho ông Nguyễn Văn H, ông H thừa nhận việc ông mua chiếc xe ô tô trên từ ông D là hợp pháp, các giấy tờ từ nguồn gốc xe đến các giấy tờ mua bán chuyển nhượng trước khi ông mua đều đầy đủ và hợp pháp, hiện nay ông đã bán chiếc xe trên cho một ga ra không rõ họ tên địa chỉ người mua.

Về nguồn gốc chiếc xe ô tô BKS 28H- 3519, chiếc xe này ông Nguyễn Kiến T khai mua của ông Chu Thanh T từ 01/6/2010, ông cho rằng đây là tài sản chung của gia đình, khi ông T bán xe chưa có ý kiến của vợ con. Nội dung này cấp sơ thẩm cần đề cập điều tra, xem xét để có căn cứ quyết định.

Như vậy việc ông Nguyễn Kiến T bán xe ô tô BKS 28H -3159 cho ông Trần Quang D là quan hệ dân sự bình thường, quan hệ mua bán này gắn liền và cần được đối trừ vào khoản ông T nợ tiền ông D.

Về xác định hậu quả hợp đồng vô hiệu cấp sơ thẩm xác định ông Trần Quang D có lỗi ép buộc ông T bán xe là căn cứ vào lời khai của ông T, không xét đến kết luận của cơ quan Công an và buộc ông D phải chịu toàn bộ thiệt hại là không đúng. Mặt khác, theo như “ giấy nhận nợ” lập ngày 8/10/2008 và thỏa thuận chốt nợ lập ngày 18/8/2010 giữa ông Nguyễn Kiến T và ông Trần Quang D, hai bên đã thỏa thuận toàn bộ công nợ và lập biên bản, ông T thừa nhận còn nợ ông D 780.000.000 đồng, đồng thời ông T cũng đã ký tên, đóng dấu xác nhận vào văn bản trên. Về chiếc xe ô tô BKS 28H- 3159 hai bên thống nhất trị giá chiếc xe tại thời điểm mua bán là 550.000.000 đồng, ông D lấy xe và khấu trừ toàn bộ khoản 780.000.000 đồng ông T còn nợ, không đòi số tiền chênh lệch 230.000.000 đồng là có lợi cho ông T, cấp sơ thẩm không xem xét thực tế, xác định ông D có lỗi toàn bộ và quyết định buộc ông D phải hoàn trả ông T toàn bộ trị giá xe ô tô là không hợp lý.

Đối với khoản nợ của ông T đối với ông D hai bên đều xác nhận đây là tiền ông T mua vật liệu xây dựng của ông D để xây dựng các công trình trên địa bàn Lạc Sơn , Kim Bôi, Lạc Thủy..., trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quang D đã có yêu cầu phản tố, cấp sơ thẩm đã chấp nhận, thu án phí, nhưng lại không quyết định nội dung này và yêu cầu hai bên giải quyết khoản nợ bằng vụ án Kinh

doanh thương mại là không đúng. Tòa phúc thẩm nhận định: ông T và ông D đều là giám đốc công ty THHH, tuy nhiên việc ông T mua hàng của ông D là mua lẻ, hai bên đều không xuất trình hợp đồng mua bán, không có hóa đơn chứng từ thể hiện giao dịch mua bán này là công ty thực hiện, tuy vậy hai bên có xác định khoản nợ và chốt nợ. Mặt khác khoản tiền nợ này gắn liền không thể tách rời với giao dịch mua bán xe ô tô giữa hai ông. Đây là tranh chấp về hợp đồng và việc phân bổ bù trừ nghĩa vụ do vậy Tòa án phải xem xét đánh giá và giải quyết cả hai quan hệ pháp luật trên. Vì vậy, nhằm đảm bảo giải quyết nhanh gọn, đúng pháp luật Tòa án phải tiến hành thụ lý và giải quyết cả hai mối quan hệ theo yêu cầu của các bên đương sự trong cùng một vụ án theo quy định tại điều 203 Bộ luật TTDS năm 2015. Nội dung này đã được Tòa án nhân dân Tối cao đề cập giải thích hướng dẫn tại Giải đáp số 01/2017/GĐ- TATC ngày 07/4/2017, mục IV, tiểu mục 4, đề nghị cấp sơ thẩm nghiên cứu xem xét thực hiện.

Xét thấy Bản án sơ thẩm có sai sót về cả thủ tục tố tụng và cả nội dung, nhằm giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo giải quyết vụ án đúng sự thật khách quan, do vậy phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 3 điều 148 BLTTDS ông Trần Quang D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 3 điều 308, điều 310, khoản 3 điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Hủy toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Trần Quang D không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, ông D được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002192 ngày 17/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hòa Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án: 11/5/2020.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hòa Bình,
- TAND TP Hòa Bình,
- THADS TP Hòa Bình,
- Các đương sự,
- Lưu HSVA.

### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

( đã ký )

**Lương Văn Can**